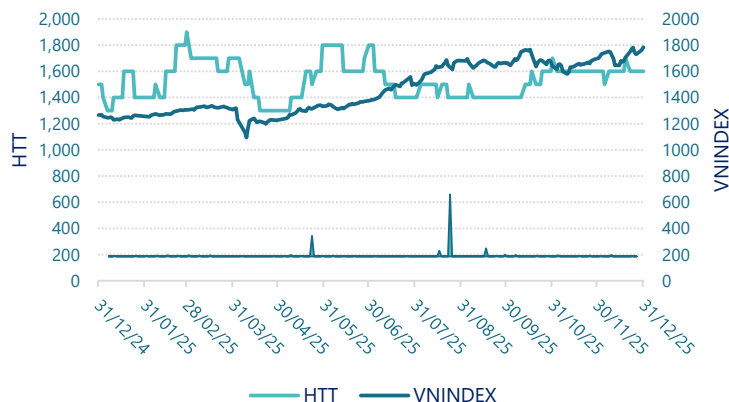


CTCP Thương mại Hà Tây (UPCOM: HTT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,460
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32
P/E	-5.4
EPS	-296

DT thuần

Q4/25

1.95

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.19 | -9.1%

YoY: ▲0.56 | 40.0%

LN sau thuế

Q4/25

0.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▲2.06 | 100%

YoY: ▲1.19 | 101%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-20.4%

+/- YoY: ▲108%

DT thuần

2025

7.84

tỷ VNĐ

YoY: ▲2.74 | 53.8%

LN sau thuế

2025

-5.93

tỷ VNĐ

YoY: ▲3.65 | 38.2%

ROE

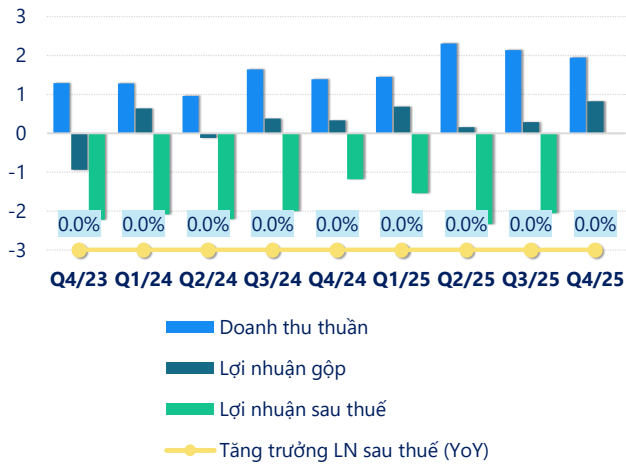
2025

-5.3%

+/- YoY: ▲2.7%

tỷ VNĐ

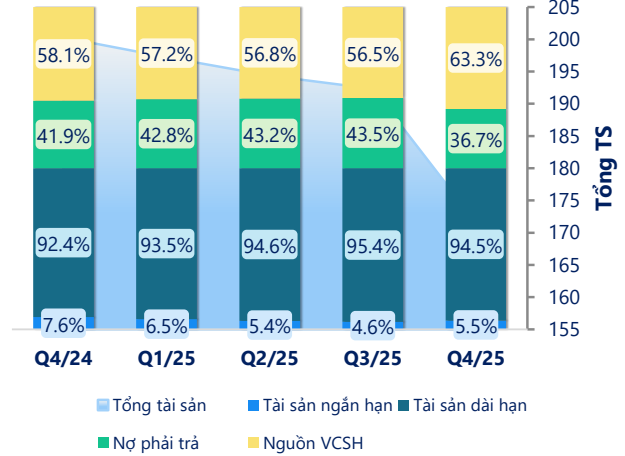
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

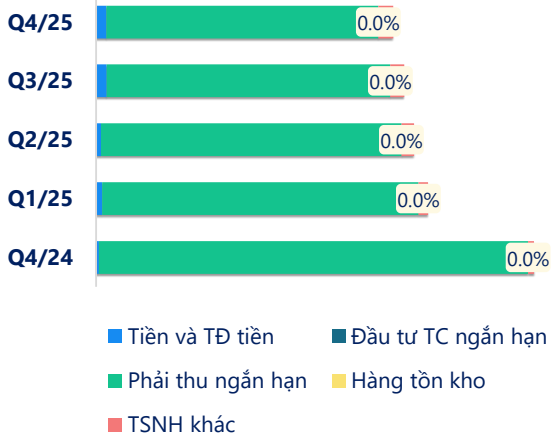
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



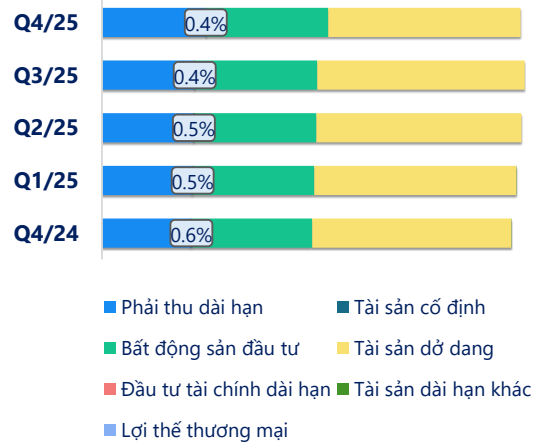
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

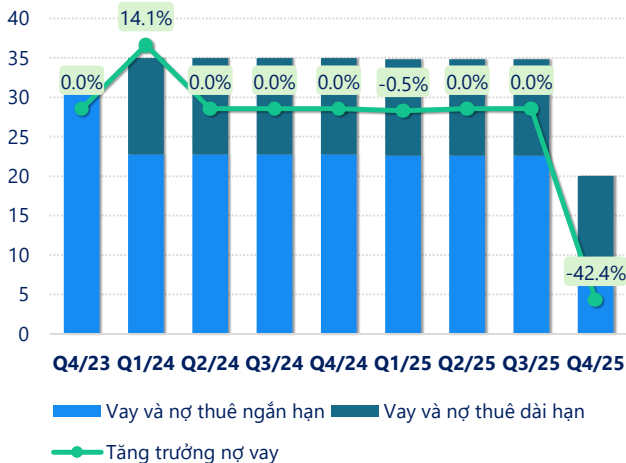
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

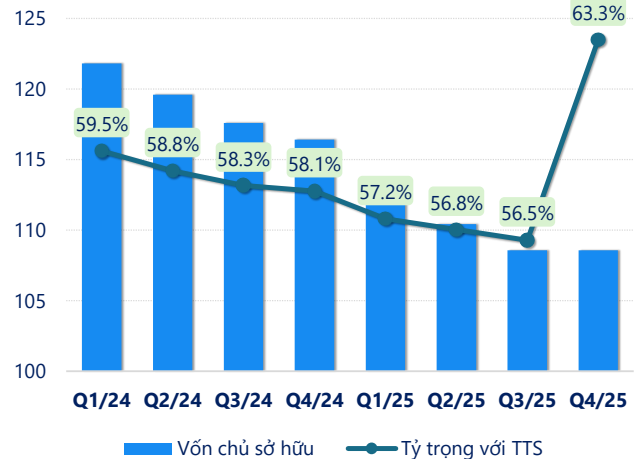
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

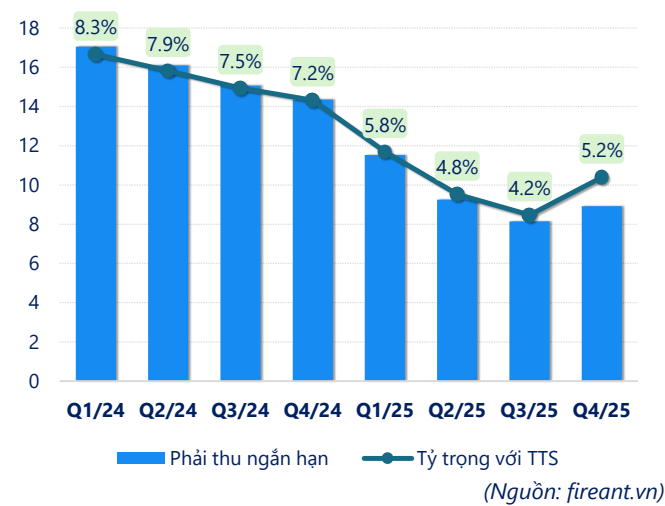
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

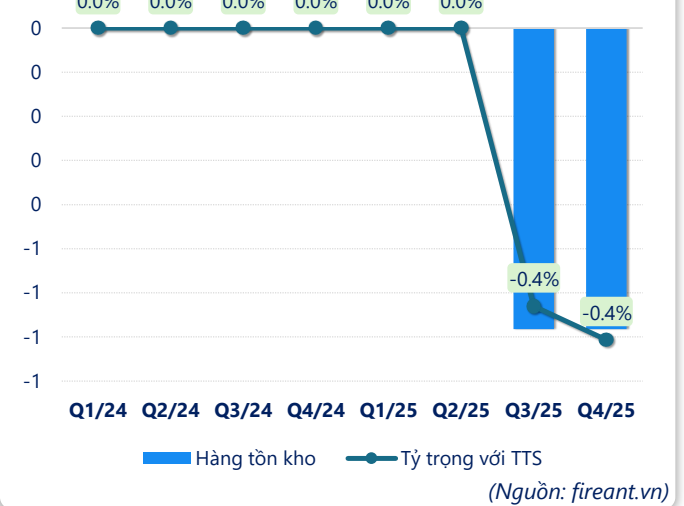


(Nguồn: fireant.vn)

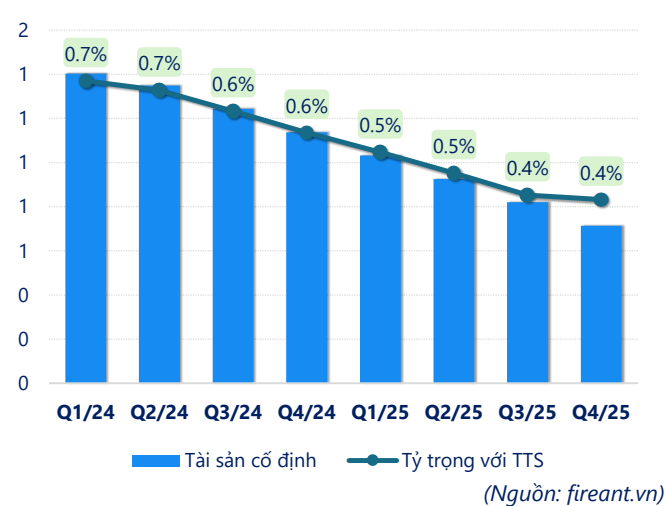
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


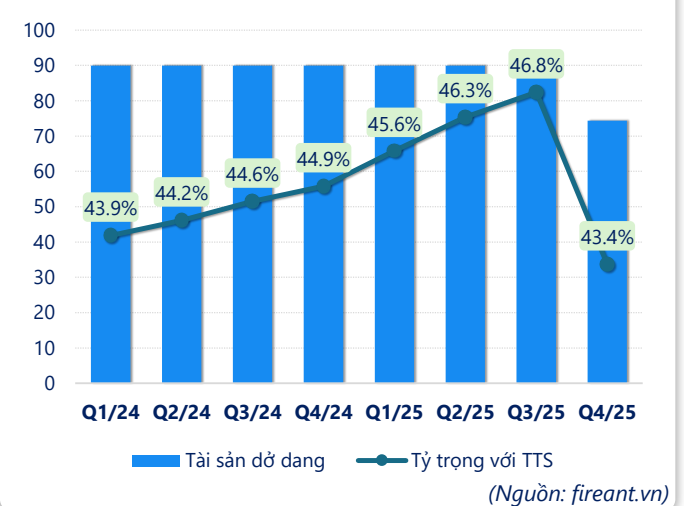
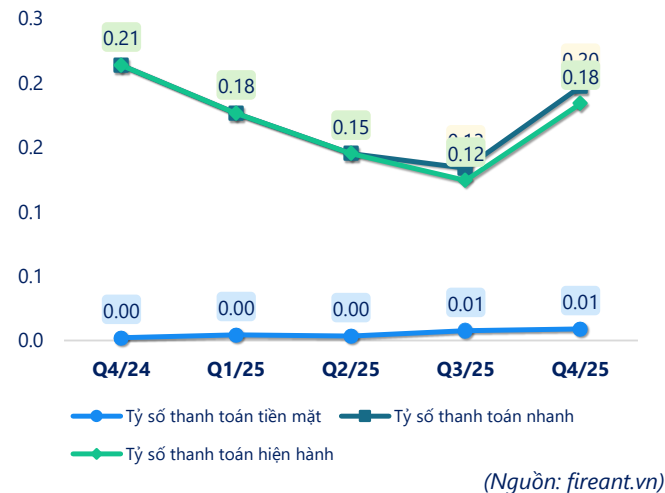
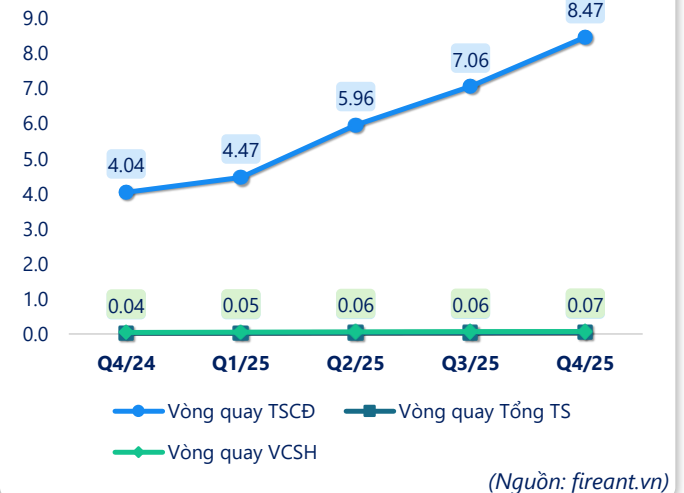
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	200	197	194	192	172
Tài sản ngắn hạn	15.3	12.7	10.4	8.88	9.50
Tiền và tương đương tiền	0.16	0.31	0.25	0.54	0.46
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	14.3	11.5	9.25	8.14	8.91
Hàng tồn kho	0	0	0	-0.68	-0.68
Tài sản ngắn hạn khác	0.79	0.89	0.91	0.88	0.81
Tài sản dài hạn	185	184	184	183	162
Phải thu dài hạn	39.8	39.8	39.8	39.8	39.8
Tài sản cố định	1.14	1.03	0.93	0.82	0.71
Bất động sản đầu tư	54.1	53.6	53.2	52.8	47.1
Tài sản dở dang	89.9	89.9	89.9	89.9	74.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	83.9	84.4	83.9	83.7	63.0
Nợ ngắn hạn	71.6	72.2	71.7	71.5	51.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.8	22.6	22.6	22.6	8.71
Phải trả người bán ngắn hạn	1.40	1.33	1.63	1.29	1.27
Nợ dài hạn	12.3	12.2	12.2	12.2	11.3
Vay và nợ thuê dài hạn	12.2	12.2	12.2	12.2	11.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	116	113	110	109	109
Vốn chủ sở hữu	116	113	110	109	109
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)